

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN KIÊN HẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 341/QĐ-UBND

Kiên Hải, ngày 22 tháng 9 năm 2023

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Quy định quản lý quy hoạch theo đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Nam Du, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN HẢI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 72/20219/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;*

*Căn cứ Quyết định số 918/QĐ-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Kiên Hải về việc phê duyệt Nhiệm vụ Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Nam Du, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang;*

*Theo đề nghị của Phòng Kinh tế hạ tầng - Tài nguyên và Môi trường huyện Kiên Hải tại Tờ trình số 159/TTr-KTHT-TN&MT ngày 22 tháng 9 năm 2023.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành Quy định quản lý quy hoạch theo đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Nam Du, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang (tài liệu kèm theo Quyết định này là thuyết minh Quy định quản lý quy hoạch theo đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Nam Du, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang).

**Điều 2.** Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện, Phòng Kinh tế hạ tầng - Tài nguyên và Môi trường huyện Kiên Hải, Ủy ban nhân dân xã Nam Du và các đơn vị và tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- CT và các PCT. UBND huyện;
- Lưu: VT, KTHT-TN&MT.



**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Quốc Tuấn**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN HẢI**

**QUY ĐỊNH QUẢN LÝ XÂY DỰNG THEO  
ĐỒ ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI  
XÃ NAM DU, HUYỆN KIÊN HẢI, TỈNH KIÊN GIANG**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số *941* /QĐ-UBND, ngày *22* tháng *9* năm 2023  
của UBND huyện Kiên Hải)

**Năm 2023**



**QUY ĐỊNH QUẢN LÝ XÂY DỰNG THEO**

**ĐỒ ÁN ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI  
XÃ NAM DU, HUYỆN KIÊN HẢI, TỈNH KIÊN GIANG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 941/QĐ-UBND, ngày 22 tháng 9 năm 2023  
của UBND huyện Kiên Hải)*

**CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi áp dụng:**

1. Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Nam Du, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang quy định việc sử dụng đất đai, cải tạo xây dựng, bảo tồn, tôn tạo và khai thác sử dụng các công trình trong ranh giới lập quy hoạch chung xây dựng xã Nam Du, đã được phê duyệt tại Quyết định số 918/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2023 của UBND huyện Kiên Hải.

2. Căn cứ vào hồ sơ Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Nam Du, huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang, được duyệt và các quy định tại bản Điều lệ này, các cơ quan quản lý quy hoạch và xây dựng có liên quan theo quyền hạn, trách nhiệm được giao, giới thiệu địa điểm, cấp chứng chỉ quy hoạch, hướng dẫn việc triển khai các dự án đầu tư, thỏa thuận các giải pháp kiến trúc, quy hoạch cho các công trình cải tạo xây dựng trong xã Nam Du, theo đúng quy hoạch và pháp luật.

**Điều 2. Phân vùng quản lý quy hoạch:**

**1. Ranh giới lập quy hoạch:**

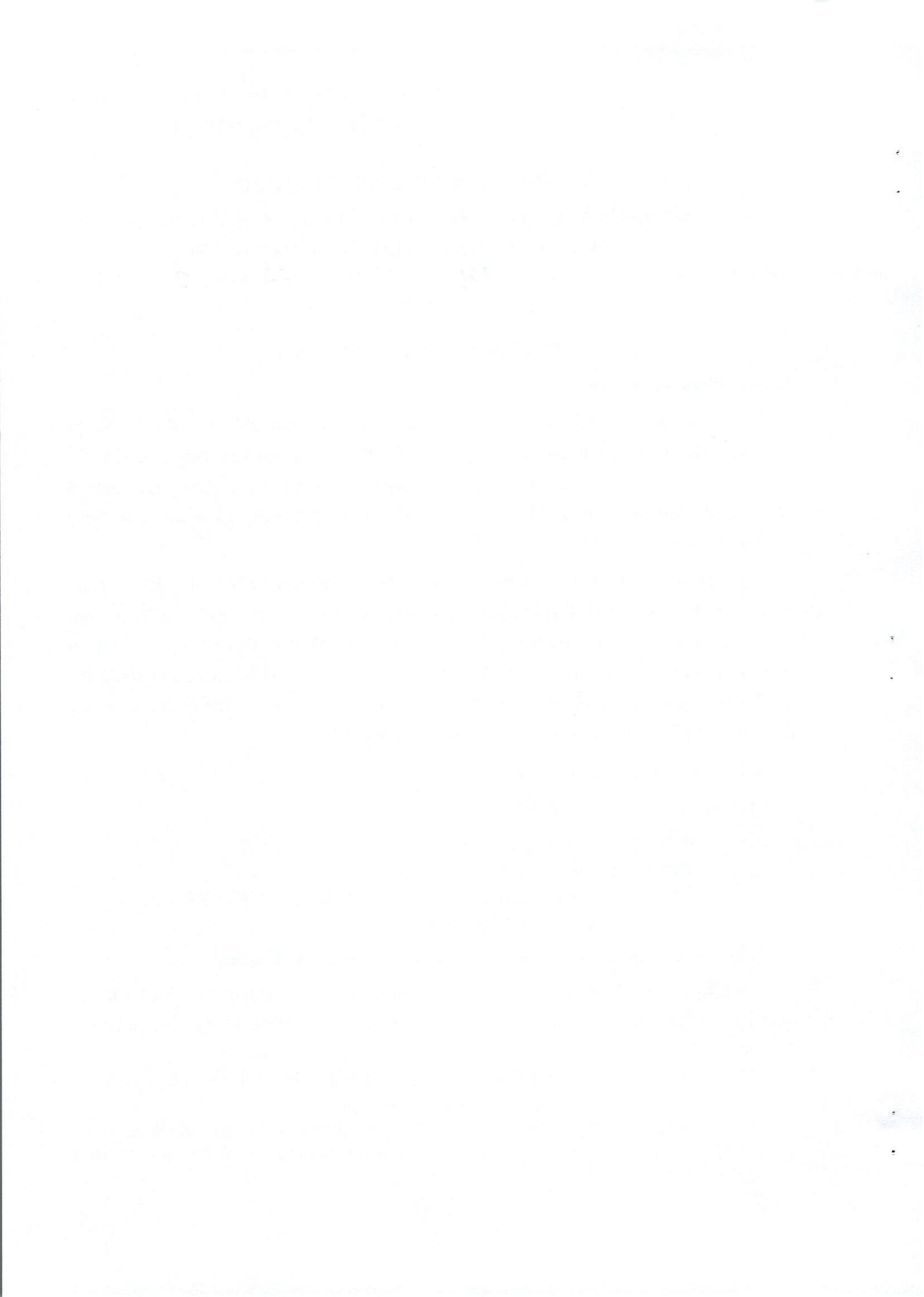
- + Phía Bắc giáp vùng biển huyện Kiên Lương và Hòn Đất;
- + Phía Tây giáp xã An Sơn, vịnh Thái Lan;
- + Phía Đông giáp vùng biển xã Lại Sơn, xã Hòn Tre, vịnh Rạch Giá;
- + Phía Nam giáp vùng biển Cà Mau.

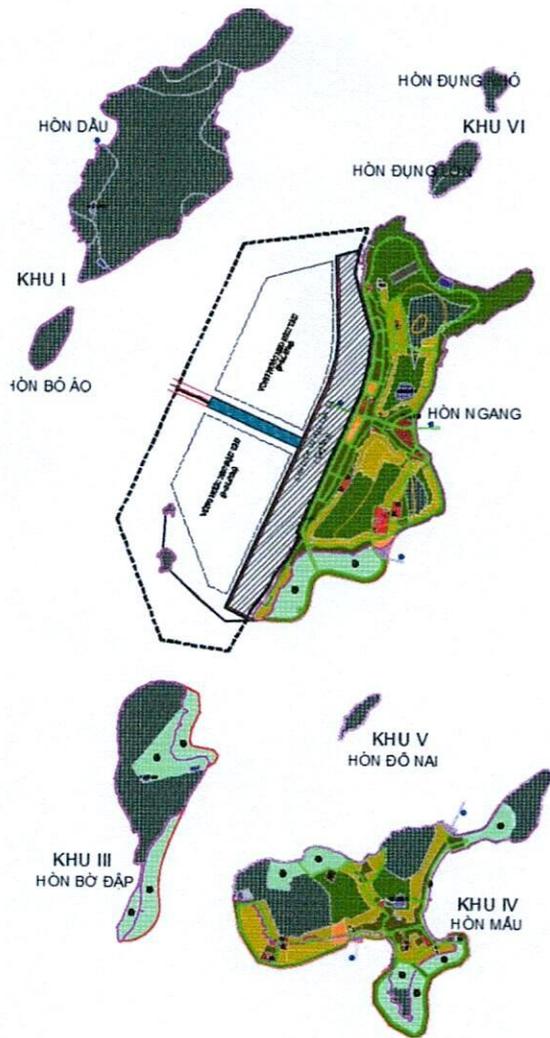
**2. Quy mô, diện tích các khu chức năng trong vùng quy hoạch:**

Phạm vi, ranh giới lập điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng NTM xã Nam Du, huyện Kiên Hải bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên của xã và vùng không gian mặt nước biển ven bờ.

Tổng quy mô lập quy hoạch đến năm 2040 khoảng 234,28 ha. Trong đó:

- Phần đất liền (hiện hữu): khoảng 197,4 ha
- Phần mở rộng không gian biển: khoảng 36,88 ha (sử dụng quỹ đất này để khai thác tối đa lợi thế vùng biển, có thể nghiên cứu thêm các khu vực có khả năng lấn biển để tạo quỹ đất).





Theo đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã bao gồm diện tích các loại đất theo bảng sau:

STT	LOẠI ĐẤT	QUY HOẠCH ĐẾN 2030		QUY HOẠCH ĐẾN 2040		CHỈ TIÊU (m <sup>2</sup> /người)
		DIỆN TÍCH (ha)	TỶ LỆ (%)	DIỆN TÍCH (ha)	TỶ LỆ (%)	
<b>A</b>	<b>ĐẤT XÂY DỰNG</b>	<b>77.76</b>	<b>39.01%</b>	<b>120.44</b>	<b>51.41%</b>	
<b>I</b>	<b>ĐẤT KHU DÂN CƯ</b>	<b>49.23</b>	<b>100.00%</b>	<b>68.29</b>	<b>100%</b>	<b>78.12</b>
1	Đất ở	29.48	59.89%	41.10	60.18%	48.35
2	Đất xây dựng chức năng thương mại dịch vụ, hỗn hợp	1.62	3.30%	1.82	2.67%	2.14
3	Đất công công	2.86	5.81%	3.57	5.23%	4.20
4	Đất cây xanh	4.71	9.57%	11.00	16.10%	12.94
5	Đất giao thông	9.87	20.05%	8.92	13.06%	10.49
6	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	0.68	1.38%	1.88	2.76%	
<b>II</b>	<b>ĐẤT NGOÀI KHU DÂN CƯ</b>	<b>28.53</b>		<b>52.15</b>		
1	Đất xây dựng các chức năng khác	10.58		41.28		
2	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	0.15		0.77		
3	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề	-		-		
4	Đất tôn giáo, danh lam, di tích, đình đền	0.47		0.47		
5	Đất quốc phòng, an ninh	0.89		9.63		
6	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	-		-		
7	Đất dự trữ phát triển	16.44		-		
<b>B</b>	<b>ĐẤT NÔNG NGHIỆP</b>	<b>121.59</b>	<b>60.99%</b>	<b>113.84</b>	<b>48.59%</b>	
1	Đất trồng trọt khác (cây lâu năm)	32.26		30.86		
2	Đất rừng phòng hộ	89.33		82.98		
<b>C</b>	<b>ĐẤT KHÁC</b>	-		-		
<b>TỔNG</b>		<b>199.35</b>	<b>100%</b>	<b>234.28</b>	<b>100%</b>	



Theo đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã bao gồm diện tích các loại đất theo bảng sau:

STT	LOẠI ĐẤT	QUY HOẠCH ĐỜI MỚI		QUY HOẠCH ĐỜI CŨ		
		DIỆN TÍCH (ha)	TỶ LỆ (%)	DIỆN TÍCH (ha)	TỶ LỆ (%)	
A	ĐẤT XÂY DỰNG	1. Đất xây dựng khu dân cư	120,44	28,01%	77,78	28,01%
		2. Đất xây dựng công trình công nghiệp	88,29	100%	46,37	100,00%
		3. Đất xây dựng công trình văn hóa, thể thao, công viên	11,15	20,20%	22,92	28,20%
		4. Đất xây dựng công trình y tế	7,02	10,00%	14,04	17,70%
		5. Đất xây dựng công trình giáo dục	2,07	2,80%	4,14	5,10%
		6. Đất xây dựng công trình khác	12,00	13,30%	24,00	30,00%
		7. Đất xây dựng công trình khác	12,00	13,30%	24,00	30,00%
		8. Đất xây dựng công trình khác	12,00	13,30%	24,00	30,00%
		9. Đất xây dựng công trình khác	12,00	13,30%	24,00	30,00%
		10. Đất xây dựng công trình khác	12,00	13,30%	24,00	30,00%
B	ĐẤT NÔNG NGHIỆP	1. Đất nông nghiệp	123,84	48,58%	121,80	80,80%
		2. Đất nông nghiệp	123,84	48,58%	121,80	80,80%
		3. Đất nông nghiệp	123,84	48,58%	121,80	80,80%
		4. Đất nông nghiệp	123,84	48,58%	121,80	80,80%
		5. Đất nông nghiệp	123,84	48,58%	121,80	80,80%
C	ĐẤT KHÁC	1. Đất khác	52,18	12,30%	52,18	18,80%
		2. Đất khác	52,18	12,30%	52,18	18,80%
TỔNG		524,58	100%	493,38	100%	

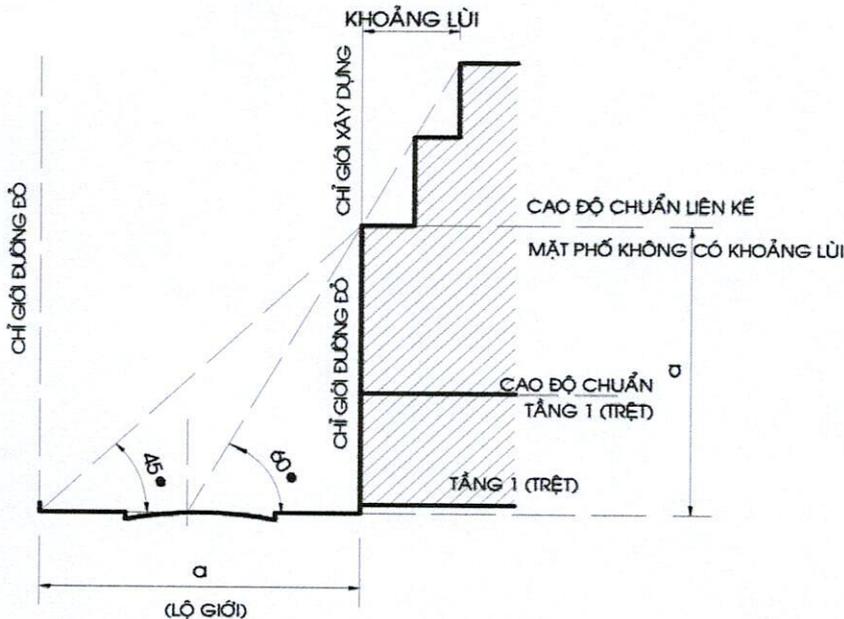
## CHƯƠNG II: QUY ĐỊNH CỤ THỂ

### Mục 1. Quản lý theo Quyết định phê duyệt quy hoạch chung xây dựng xã

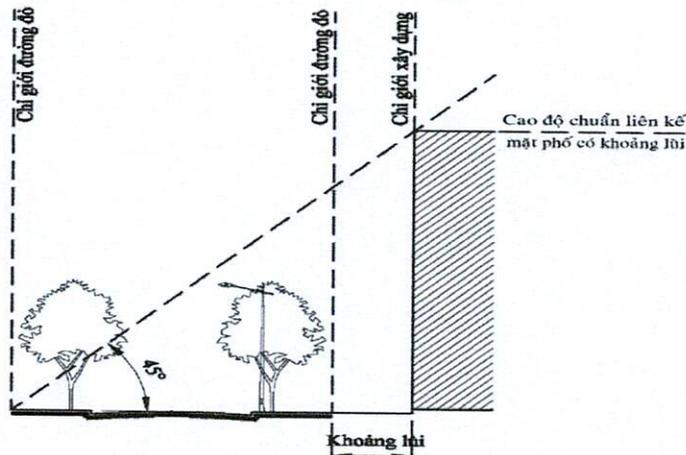
#### Điều 3. Khu vực nhà ở dân cư:

- Khu vực cải tạo:

+ Chiều cao tối đa: được xác định như sau



Hình minh họa chỉ giới xây dựng trùng với chỉ giới đường đỏ và cách xác định chiều cao tối đa của công trình.



Hình minh họa chỉ giới xây dựng lùi sau chỉ giới đường đỏ và cách xác định chiều cao tối đa của công trình.

+ Diện tích ô đất: Đối với khu vực dân cư hiện hữu có nhà ở liên kế với hình thức lô đất phức tạp (như các lô đất zích zắc, có diện tích nhỏ, sắp xếp lộn xộn, kiến trúc bên trên thấp tầng,...) cần được xem xét kỹ trong các trường hợp: Điều chỉnh đồ án quy

CHƯƠNG II: QUY ĐỊNH CỦA THE

Mục I. Quản lý theo Quyết định phê duyệt dự án hoặc chương xây dựng là

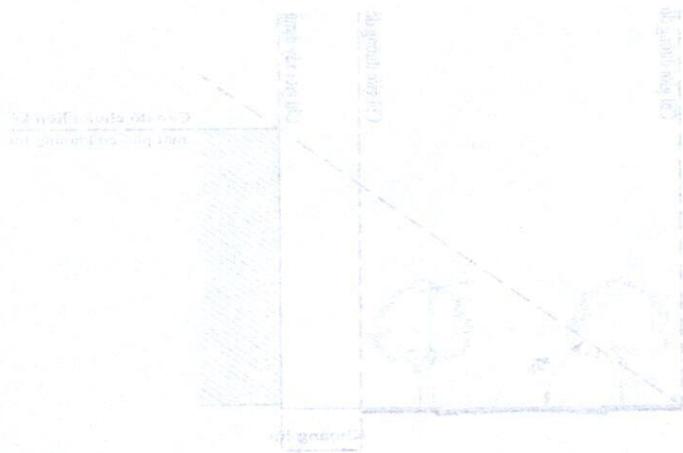
Điểm 3. Khu vực nhà ở dân cư:

- Khu vực cao tầng:

+ Chiều cao tối đa: được xác định như sau



Hình minh họa chi tiết xây dựng tầng với chi phí đường do  
vị cách các định chuẩn cao tối đa của công trình.



Hình minh họa chi tiết xây dựng tầng với chi phí đường do  
vị cách các định chuẩn cao tối đa của công trình.

+ Diện tích ô đất: Đối với khu vực dân cư hiện hữu có nhà ở hiện tại  
là đất phức tạp (như các lô đất nhỏ, các diện tích nhỏ, sắp xếp lộn xộn, kiến trúc bên  
trên thấp tầng...) cần được xem xét kỹ trong các trường hợp: Điều chỉnh độ sâu dự

hoạch chung; Dựa vào điều kiện thực tế mà phân tích cụ thể để xây dựng cải tạo triệt để theo đồ án quy hoạch chi tiết hoặc xây dựng cải tạo chính trang khu vực theo đồ án quy hoạch chi tiết. Hạn chế chia các lô đất có diện tích và chiều rộng, chiều sâu quá nhỏ.

- Khu vực xây mới: Quy định về tầng cao, mật độ xây dựng, chiều cao công trình, chỉ giới xây dựng,...

+ Tầng cao: tối đa 05 tầng.

+ Mật độ xây dựng: theo QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

Diện tích lô đất (m <sup>2</sup> / căn nhà)	≤ 90	100	200	300	500	≥1000
Mật độ xây dựng tối đa (%)	100	90	70	60	50	40

+ Chỉ giới xây dựng được quy định theo các trục đường của đồ án điều chỉnh quy hoạch chung được phê duyệt.

#### **Điều 4. Khu vực xây dựng công trình công cộng:**

##### 1. Công trình trường học:

+ Mật độ xây dựng ≤ 40%.

+ Chiều cao tầng ≤ 05 tầng.

+ Hệ số sử dụng đất 2 lần.

##### 2. Công trình y tế: (Trạm y tế, phòng khám)

+ Mật độ xây dựng ≤ 40%.

+ Chiều cao tầng ≤ 05 tầng.

+ Hệ số sử dụng đất 2 lần.

##### 3. Công trình trụ sở UBND xã:

+ Mật độ xây dựng ≤ 40%.

+ Chiều cao tầng ≤ 05 tầng.

+ Hệ số sử dụng đất 2 lần.

##### 4. Công trình Chợ xã:

+ Mật độ xây dựng ≤ 40%.

+ Chiều cao tầng ≤ 05 tầng.

+ Hệ số sử dụng đất 2 lần.

5. Công trình thương mại dịch vụ, hỗn hợp: (văn phòng, tài chính – ngân hàng, nhà ở trung tầng kết hợp thương mại...)

+ Mật độ xây dựng ≤ 60%.

hạch chung: Dự án / số diện tích thực tế mà phần tích cũ thể độ xây dựng cần tạo mới để theo là dự hoạch chi tiết hoặc các quy định khác theo các chính sách của pháp luật.

hạch chi tiết: Hạn chế các tổ chức diện tích và chức năng, chức năng công trình.

Khu vực xây dựng Quy định về tầng cao, mật độ xây dựng, chiều cao công trình, chỉ giới xây dựng...

+ Tầng cao tối đa 05 tầng.  
+ Mật độ xây dựng theo QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng

Tiền tích lô đất (m <sup>2</sup> căn nhà)	≤ 90	100	200	300	500	≤ 1000
Mật độ xây dựng tối đa (%)	100	90	70	60	50	40

+ Chỉ giới xây dựng được quy định theo các quy định của pháp luật chính quyền hoạch định được phê duyệt.

**Điều 4. Khu vực xây dựng công trình công cộng:**

1. Công trình trường học:

- + Mật độ xây dựng ≤ 40%
- + Chiều cao tầng ≤ 05 tầng.
- + Hệ số sử dụng đất 2 lần.

2. Công trình văn hóa (trạm y tế, phòng khám):

- + Mật độ xây dựng ≤ 40%
- + Chiều cao tầng ≤ 05 tầng.
- + Hệ số sử dụng đất 2 lần.

3. Công trình trụ sở UBND xã:

- + Mật độ xây dựng ≤ 40%
- + Chiều cao tầng ≤ 05 tầng.
- + Hệ số sử dụng đất 2 lần.

4. Công trình chợ xã:

- + Mật độ xây dựng ≤ 40%
- + Chiều cao tầng ≤ 05 tầng.
- + Hệ số sử dụng đất 2 lần.

5. Công trình thương mại dịch vụ (nhà hàng, quán ăn, ngân hàng, nhà

ở trung tâm kết hợp thương mại...)  
+ Mật độ xây dựng ≤ 60%

- + Chiều cao tầng  $\leq 7$  tầng.
  - + Hệ số sử dụng đất 4,2 lần.
6. Công trình Nhà văn hóa, TDTT:
- + Mật độ xây dựng  $\leq 40\%$ .
  - + Chiều cao tầng  $\leq 05$  tầng.
  - + Hệ số sử dụng đất 2 lần.
7. Công trình Bưu điện xã:
- + Mật độ xây dựng  $\leq 40\%$ .
  - + Chiều cao tầng  $\leq 05$  tầng.
  - + Hệ số sử dụng đất 2 lần.
8. Công trình công viên cây xanh:
- + Mật độ xây dựng  $\leq 5\%$ .
  - + Chiều cao tầng  $\leq 02$  tầng.
  - + Hệ số sử dụng đất 0,1 lần.

**Điều 5. Đất sản xuất:**

1. Đất nông nghiệp, ngư nghiệp:
  - Cần có kế hoạch kiểm soát phát triển các vùng nuôi trồng thủy sản, vùng chăn nuôi gia súc, gia cầm. Có kế hoạch phòng ngừa dịch bệnh, ứng phó với biến đổi khí hậu nước biển dâng và bão lũ.
  - Hạn chế chuyển nhượng đầu cơ trục lợi và không được sử dụng sai mục đích.
2. Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề:
  - Đất xây dựng khu công nghiệp phải được quy hoạch phù hợp với tiềm năng phát triển công nghiệp, phát triển kinh tế - xã hội và các chiến lược phát triển có liên quan của từng địa phương;
  - Khu, cụm công nghiệp (nếu có): Cần được quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch chi tiết.
3. Khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn:
  - Đất xây dựng khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn phải được quy hoạch phù hợp với tiềm năng phát triển nông nghiệp của địa phương nhằm nâng cao sản lượng và chất lượng của nông sản, tạo động lực để phát triển kinh tế nông thôn trên địa bàn xã.

+ Chiều cao tầng  $\geq 7$  tầng.

+ Hệ số sử dụng đất  $\geq 2$  lần.

6. Công trình Nhà văn hóa, TDTT:

+ Mật độ xây dựng  $\geq 40\%$ .

+ Chiều cao tầng  $\geq 03$  tầng.

+ Hệ số sử dụng đất  $\geq 2$  lần.

7. Công trình Bưu điện xã:

+ Mật độ xây dựng  $\geq 40\%$ .

+ Chiều cao tầng  $\geq 03$  tầng.

+ Hệ số sử dụng đất  $\geq 2$  lần.

8. Công trình công viên cây xanh:

+ Mật độ xây dựng  $\leq 2\%$ .

+ Chiều cao tầng  $\leq 02$  tầng.

+ Hệ số sử dụng đất  $\geq 0,1$  lần.

Điều 5. Đất sản xuất:

1. Đất nông nghiệp, ngư nghiệp:

- Cần có kế hoạch kiểm soát phát triển các vùng nuôi trồng thủy sản, vùng chăn nuôi gia súc, gia cầm. Có kế hoạch phòng ngừa dịch bệnh, tăng phụ với biến đổi khí hậu nước biển dâng và bão lũ.

- Hạn chế chuyển nhượng đất sử dụng và không được sử dụng sai mục đích.

2. Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề:

- Đất xây dựng khu công nghiệp phải được quy hoạch phù hợp với tiềm năng phát triển công nghiệp, phát triển kinh tế - xã hội và các chiến lược phát triển có liên quan của trung địa phương.

- Khu cụm công nghiệp (nếu có): Cần được quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch chi tiết.

3. Khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn:

- Đất xây dựng khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn phải được quy hoạch phù hợp với tiềm năng phát triển nông nghiệp của địa phương nhằm nâng cao sản lượng và chất lượng của nông sản, tạo đồng lực để phát triển kinh tế nông thôn trên địa bàn xã.

## **Điều 6. Đất cây xanh:**

- Định hướng phát triển: Dựa trên hiện trạng cây xanh khu vực trung tâm xã, tiến hành rà soát, xây dựng kế hoạch trồng cây xanh đường phố để cải tạo chỉnh trang khu vực hiện hữu, bổ sung cây xanh cho khu trung tâm, trồng cây xanh theo 02 bên đường chính và các tuyến đường giao thông liên ấp.

- Rà soát hiện trạng cây trồng, có kế hoạch chăm sóc, bảo quản hoặc đề xuất chặt hạ, dịch chuyển cây xanh theo quy định hiện hành.

- Đối với các khu có quy hoạch chi tiết, cây trồng mới phải tuân thủ quy hoạch chi tiết được duyệt. Cây trồng cho bóng mát nên chọn cây có tán rộng sống lâu năm, ít rụng lá và rễ ăn sâu trong đất để tránh ngã đổ khi có gió bão và cây cho hoa nên lựa cây cho hoa có màu sắc đẹp, không độc hại. Loại cây xanh trồng phải phù hợp với điều kiện địa phương và không nằm trong danh mục cây cấm trồng trong các đô thị thuộc địa bàn tỉnh Kiên Giang.

## **Điều 7. Các khu vực bảo tồn, di tích, thắng cảnh, cấm xây dựng:**

- Về cơ sở thờ tự: Lăng Ông Nam Hải, chùa Long Quang (thuộc Hòn Mấu), Miếu Bà Chúa Xứ (Hòn Ngang) cần xác định hình thức bảo tồn, tôn tạo phù hợp với tính chất của từng loại công trình bảo tồn, việc xây dựng, cải tạo công trình bảo tồn phải đảm bảo thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

- Bảo quản, tu bổ, phục hồi và sử dụng công trình bảo tồn theo hướng phân đầu đảm bảo các tiêu chí để được công nhận là di sản, di tích cấp tỉnh, cấp quốc gia.

- Trong quá trình quy hoạch và quản lý quy hoạch, kiến trúc, khu vực các công trình tôn giáo này cần được bảo tồn và nâng cấp về mặt không gian kiến trúc cảnh quan.

- Khu vực bảo vệ di tích (nếu có) phải thực hiện theo quy định của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa. Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Kiên Hải có trách nhiệm hướng dẫn cho người dân trong xã hiểu và tuân thủ đúng quy định pháp luật.

- Quản lý chặt chẽ việc cải tạo và phát triển đô thị, xây dựng mới các công trình hạ tầng kỹ thuật và kiến trúc trong phạm vi xung quanh các hạng mục công trình bảo tồn. Việc xây dựng các công trình trong khu vực xung quanh công trình bảo tồn không được gây ảnh hưởng đối với công trình bảo tồn.

- Khu vực cấm xây dựng: Hành lang bảo vệ hệ thống hạ tầng kỹ thuật đường phố, hành lang an toàn đường bộ, hành lang bảo vệ luồng, đất mặt nước, công trình xây dựng,... không đúng mục đích sử dụng của khu đất theo quy hoạch.

## **Điều 8. Khu vực dự trữ, an ninh quốc phòng**

- Tuân thủ quy hoạch chung được duyệt. Không xây dựng công trình trái với chức năng sử dụng đất trong khu dự trữ phát triển.

- Lập kế hoạch sử dụng đất theo các giai đoạn phát triển (ngắn hạn, trung hạn và dài hạn) và có phương án sử dụng đất hiệu quả trong thời gian chưa triển khai xây dựng

- Đối với khu vực dự trữ phát triển là những vùng đất nông nghiệp, khi chưa có nhu cầu sử dụng để xây dựng phát triển đô thị thì vẫn tiếp tục canh tác nông nghiệp.

Điều 6. Vật cây xanh:

- Bình hương phải đặt: Đặt trên hiên tầng cây xanh khi vật trung tâm xã, tiền sảnh và một tầng kế hoạch tầng cây xanh được bố trí theo trục trung tâm xã, tiền sảnh và các trục đường giao thông lớn.

- Các vật hiện trạng cây xanh, công trình kiến trúc, các phần hoặc bộ phận chi tiết kiến trúc của công trình phải tuân thủ quy định kiến trúc.

- Đối với các khu có quy hoạch chi tiết, cây xanh chi tiết phải tuân thủ quy hoạch chi tiết được duyệt. Cây xanh của công trình phải được bố trí theo trục trung tâm xã, tiền sảnh và một tầng kế hoạch tầng cây xanh được bố trí theo trục trung tâm xã, tiền sảnh và các trục đường giao thông lớn. Các công trình kiến trúc phải được bố trí theo trục trung tâm xã, tiền sảnh và các trục đường giao thông lớn. Các công trình kiến trúc phải được bố trí theo trục trung tâm xã, tiền sảnh và các trục đường giao thông lớn.

Điều 7. Các khu vực đặc biệt, di tích, thắng cảnh, cảnh xây dựng:

- Về cơ sở từ: Các khu vực đặc biệt, di tích, thắng cảnh, cảnh xây dựng phải được bố trí theo trục trung tâm xã, tiền sảnh và một tầng kế hoạch tầng cây xanh được bố trí theo trục trung tâm xã, tiền sảnh và các trục đường giao thông lớn. Các công trình kiến trúc phải được bố trí theo trục trung tâm xã, tiền sảnh và các trục đường giao thông lớn.

- Bảo quản và bảo vệ: Các khu vực đặc biệt, di tích, thắng cảnh, cảnh xây dựng phải được bố trí theo trục trung tâm xã, tiền sảnh và một tầng kế hoạch tầng cây xanh được bố trí theo trục trung tâm xã, tiền sảnh và các trục đường giao thông lớn. Các công trình kiến trúc phải được bố trí theo trục trung tâm xã, tiền sảnh và các trục đường giao thông lớn.

- Trong quá trình quy hoạch và quản lý quy hoạch, kiến trúc, cảnh quan và công trình kiến trúc phải được bố trí theo trục trung tâm xã, tiền sảnh và một tầng kế hoạch tầng cây xanh được bố trí theo trục trung tâm xã, tiền sảnh và các trục đường giao thông lớn.

- Kiến trúc bảo vệ di tích (nếu có) phải thực hiện theo quy định của Luật Di sản văn hóa và Luật bảo vệ di tích của Luật Di sản văn hóa. Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Kiến Hải có trách nhiệm hướng dẫn cho người dân trong xã hiện và tuân thủ đúng quy định pháp luật.

- Quản lý chặt chẽ việc cải tạo và phát triển đô thị, xây dựng mới các công trình hạ tầng kỹ thuật và kiến trúc trong phạm vi trung tâm xã, tiền sảnh và một tầng kế hoạch tầng cây xanh được bố trí theo trục trung tâm xã, tiền sảnh và các trục đường giao thông lớn. Các công trình kiến trúc phải được bố trí theo trục trung tâm xã, tiền sảnh và các trục đường giao thông lớn.

- Khu vực cảnh xây dựng: Hình ảnh bảo vệ hệ thống hạ tầng kỹ thuật đường phố, cảnh quan và kiến trúc trong phạm vi trung tâm xã, tiền sảnh và một tầng kế hoạch tầng cây xanh được bố trí theo trục trung tâm xã, tiền sảnh và các trục đường giao thông lớn. Các công trình kiến trúc phải được bố trí theo trục trung tâm xã, tiền sảnh và các trục đường giao thông lớn.

Điều 8. Khu vực dự trữ an ninh quốc phòng:

- Tuân thủ quy hoạch chung được duyệt, không xây dựng công trình mới với chức năng sử dụng đất trong khu dự trữ phát triển.

- Lập kế hoạch sử dụng đất theo các giai đoạn phát triển (ngắn hạn, trung hạn và dài hạn) và có phương án sử dụng đất hiện tại trong thời gian chờ kiến trúc xây dựng.

- Đối với khu vực dự trữ phát triển là những vùng đất nông nghiệp, khi chưa có nhu cầu sử dụng để xây dựng phát triển đô thị thì vẫn tiếp tục canh tác nông nghiệp.

- Đất dự trữ phát triển thuộc sở hữu nhà nước có thể trồng cây xanh hoặc xây dựng các công trình tạm, cho thuê ngắn hạn, dễ dàng tháo dỡ khi cần thiết và được giao cho đơn vị quản lý cụ thể, có thể là chính quyền, các tổ chức hoặc cá nhân có đủ điều kiện.

- Công trình an ninh, quốc phòng được quản lý theo quy định riêng phù hợp quy hoạch được duyệt và đồng thời góp phần thẩm mỹ cho không gian kiến trúc cảnh quan của xã.

## Điều 9. Các công trình hạ tầng kỹ thuật

### 1. Giao thông:

Hệ thống giao thông của xã Nam Du hiện trạng chủ yếu là đường giao thông nội bộ trên Hòn Ngang, Hòn Mấu và hệ thống giao thông đường thủy.

Giao thông đường bộ có các tuyến đường chính bao gồm: Đường bao quanh Hòn Ngang và các tuyến đường Hòn Mấu.

Giao thông đường thủy thuận lợi, đồng thời có tiềm năng lớn trong việc phát triển du lịch sinh thái – nghỉ dưỡng.

**BẢNG TỔNG HỢP MẶT CẮT CÁC TUYẾN ĐƯỜNG**

STT	TÊN ĐƯỜNG	CẤP ĐƯỜNG	MẶT CẮT	KHOẢNG LÙI TRÁI (m)	VĨA HÈ TRÁI (m)	MẶT ĐƯỜNG (m)	VĨA HÈ PHẢI (m)	KHOẢNG LÙI PHẢI (m)	DÀI PHÂN CÁCH (m)	VỊ TRÍ
1	N1	ĐƯỜNG PHỐ KHU VỰC	1-1	3	3	10	3	3	-	HÒN NGANG
			1A-1A	-	-	10	3	3	-	HÒN NGANG
			2-2	3	3	6	3	3	-	HÒN NGANG
			2A-2A	-	-	6	3	3	-	HÒN NGANG
			5-5	3	2	10,5	-	-	-	HÒN NGANG
2	N2	ĐƯỜNG PHỐ NỘI BỘ	2-2	-	-	6	3	3	-	HÒN NGANG
			2B-2B	-	-	6	-	-	-	HÒN NGANG
3	N3	ĐƯỜNG PHỐ NỘI BỘ	2-2	3	3	6	3	3	-	HÒN NGANG
			2A-2A	-	-	6	3	3	-	HÒN NGANG
4	N4	ĐƯỜNG PHỐ NỘI BỘ	4-4	3	1,5	3,5	1,5	3	-	HÒN NGANG
5	N5	ĐƯỜNG PHỐ NỘI BỘ	4-4	3	1,5	3,5	1,5	3	-	HÒN NGANG
6	N6	ĐƯỜNG PHỐ NỘI BỘ	3-3	3	2	8	2	3	-	HÒN NGANG
7	N7	ĐƯỜNG PHỐ NỘI BỘ	6-6	3	1,5	3	1,5	3	-	HÒN NGANG
8	N8	ĐƯỜNG PHỐ NỘI BỘ	2-2	3	3	6	3	3	-	HÒN NGANG
			2A-2A	-	-	6	3	3	-	HÒN NGANG

- Các dự án phải tiến hành sơ bộ và phải có thể được cấp giấy xây dựng các công trình tạm cho thuê ngắn hạn để đang làm hồ sơ xin và được giao cho đơn vị quản lý cơ sở, có thể là chính quyền, các tổ chức hoặc cá nhân có đủ điều kiện.

- Công trình an ninh quốc phòng được quản lý theo quy định riêng pháp quy hoạch được duyệt và đồng thời góp phần thành lập các không gian kiến trúc cảnh quan của xã.

**Điều 9. Các công trình bị tăng lệ thuế!**

**1. Giao thông:**

Hệ thống giao thông của xã Nam Du hiện trạng chủ yếu là đường giao thông nội bộ trên Hòn Ngang, Hòn Mũi và bộ thông giao thông đường biển.

- Giao thông đường bộ cơ sở tự ổn đường chính bao gồm: Đường bao quanh Hòn Ngang và các tuyến đường Hòn Mũi.

Giao thông đường thủy thuận lợi, đồng thời có tiềm năng lớn trong việc phát triển du lịch sinh thái - nghỉ dưỡng.

**BẢNG TỔNG HỢP MẶT CẮT CÁC TUYẾN ĐƯỜNG**

STT	TÊN ĐƯỜNG	CẤP ĐƯỜNG	MẶT CẮT	CHIỀU RỘNG (m)	CHIỀU DÀI (m)	MẶT ĐƯỜNG (m)	CHIỀU RỘNG (m)	CHIỀU DÀI (m)	YÊU CẦU
1	K1	ĐƯỜNG YÚC PHỒN	2A-2A	-	1	10	1	1	Hòn Ngang
			2A-1A	-	10	1	1	Hòn Ngang	
			2A-2A	-	1	1	1	Hòn Ngang	
			2A-2A	-	1	1	1	Hòn Ngang	
			2A-2A	-	1	1	1	Hòn Ngang	
2	K2	ĐƯỜNG PHỒN BỒ	2B-2B	-	1	1	-	Hòn Ngang	
			2B-2B	-	1	1	-	Hòn Ngang	
3	K3	ĐƯỜNG PHỒN BỒ	2A-2A	-	1	1	1	Hòn Ngang	
			2A-2A	-	1	1	1	Hòn Ngang	
4	K4	ĐƯỜNG PHỒN BỒ	2A-2A	1	10	10	10	Hòn Ngang	
			2A-2A	1	10	10	10	Hòn Ngang	
5	K5	ĐƯỜNG PHỒN BỒ	2A-2A	1	10	10	10	Hòn Ngang	
			2A-2A	1	10	10	10	Hòn Ngang	
6	K6	ĐƯỜNG PHỒN BỒ	2A-2A	1	10	10	10	Hòn Ngang	
			2A-2A	1	10	10	10	Hòn Ngang	
7	K7	ĐƯỜNG PHỒN BỒ	2A-2A	1	10	10	10	Hòn Ngang	
			2A-2A	1	10	10	10	Hòn Ngang	
8	K8	ĐƯỜNG PHỒN BỒ	2A-2A	1	10	10	10	Hòn Ngang	
			2A-2A	1	10	10	10	Hòn Ngang	

9	M1	ĐƯỜNG PHỐ NỘI BỘ	A-A	3	3	3	3	3	-	HÒN MÁU
			A1-A1	-	-	3	3	3	-	HÒN MÁU
10	M2	ĐƯỜNG PHỐ NỘI BỘ	A-A	3	3	3	3	3	-	HÒN MÁU
11	M3	ĐƯỜNG PHỐ NỘI BỘ	A-A	3	3	3	3	3	-	HÒN MÁU
			A1-A1	-	-	3	3	3	-	HÒN MÁU
12	M4	ĐƯỜNG PHỐ NỘI BỘ	A-A	3	3	3	3	3	-	HÒN MÁU
13	M5	ĐƯỜNG PHỐ NỘI BỘ	B1-B1	-	-	4	3	3	-	HÒN MÁU
14	M6	ĐƯỜNG PHỐ NỘI BỘ	A-A	-	-	3	3	2	-	HÒN MÁU
15	M7	ĐƯỜNG PHỐ NỘI BỘ	B-B	3	3	4	3	3	-	HÒN MÁU
			B1-B1	-	-	4	3	3	-	HÒN MÁU
			C-C	3	3	4+4	3	3	10	HÒN MÁU

## 2. Cấp điện: Nguồn cấp, mạng lưới cấp.

Quy hoạch: tổng công suất dự báo là : 4975,25 KVA. Đầu tư xây dựng mới tuyến trung thế 22kv đi nối từ xã An Sơn đến để cấp điện cho toàn bộ khu vực của xã Nam Du.

Bố trí trạm ngắt để lắp đặt các máy cắt trung thế nhận nguồn từ lộ ra trạm trung gian, lắp đặt hệ thống scada phục vụ công tác đóng cắt điều khiển từ xa, sau đó cấp nguồn cho các trạm phân phối.

Lưới điện trung thế phân phối điện cho các trạm biến áp khu vực là lưới điện có cấp điện áp tiêu chuẩn 22kV, đầu tư xây dựng mạng cáp ngầm có kết cấu theo dạng mạch vòng kín vận hành hở, mạch tia phân nhánh, đầu nối tuyến trung thế về trạm ngắt trung thế khu I.

Toàn bộ tuyến cáp ngầm trung thế có tiết diện tiêu chuẩn 240mm<sup>2</sup>, sử dụng cáp ngầm bảo vệ cách điện bằng PVC có đai thép bảo vệ và có đặc tính chống thấm dọc, được ký hiệu là cáp 22kV- Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC 3x240mm<sup>2</sup>.

Hệ thống cáp trung thế được luồn trong ống nhựa xoắn hdpe D195/150 và chôn ngầm trong mương cáp.

Xây dựng mới 17 trạm biến áp phân phối 22/0.4 KV có công suất từ 100kVA đến 2000kVA để cung cấp điện cho nhu cầu sinh hoạt và chiếu sáng đường giao thông trong khu vực quy hoạch, tùy thuộc vào quy mô và chức năng từng công trình mà xây dựng trạm biến áp có công suất phù hợp.

Các tuyến hạ thế 0,4kV bên trong từng lô đất cấp cho các công trình sử dụng loại cáp đồng 0.4kV có vỏ bọc cách điện nhựa không cháy – nhựa tổng hợp đi ngầm dưới vỉa hè, ứng với công suất từng loại phụ tải mà dùng các loại cáp tương ứng.

Lưới hạ thế có cấp điện áp 380/220V. Các tuyến cáp ngầm 0.4kV xuất phát từ các lộ ra hạ thế của trạm biến áp đến các tủ điện tổng để phân phối điện cho bên trong lô đất sẽ được nghiên cứu khi lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 cho từng lô.

## 3. Cấp nước: Nguồn cấp, mạng lưới cấp.



Nguồn nước mặt: khai thác nước mưa, tăng cường xây dựng hồ, bể chứa nước ngọt theo quy hoạch tại Hòn Ngang và Hòn Mấu.

Hiện nay khu vực Hòn Ngang có 3 trạm, 3 giếng khoan nước, Hòn Mấu có 2 trạm, 2 giếng cấp nước. Với công suất trung bình 40 m<sup>3</sup>/trạm/ngày.đêm.

Về lâu dài: cần thăm dò địa chất để tăng cường giếng khoan. Kết nối đường ống từ đất liền để vận chuyển nước ngọt từ đất liền sang.

Dựa vào mạng lưới quy hoạch giao thông, phân khu chức năng khu quy hoạch và vị trí đầu vào của tuyến ống cấp nước chính cho toàn khu quy hoạch. Thiết kế mạng lưới cấp nước cho khu xây dựng theo dạng mạng vòng, ngoài việc đảm bảo cấp nước cho khu dự án. Cột áp tại từng khu tối thiểu H=12m.

Thiết kế đường ống từ nhà máy 1.000 (m<sup>3</sup>/ngày), 700 (m<sup>3</sup>/ngày) và 300 (m<sup>3</sup>/ngày) để cấp cho khu vực lấn biển.

#### **4. Thoát nước mưa:**

Phương án thoát, mạng lưới thoát, vị trí cửa xả.

- Các công trình xây dựng cần phải xây dựng hệ thống thoát nước mưa để đảm bảo không bị ngập nước. Các khu vực xây dựng có quy hoạch chi tiết thì theo đồ án được duyệt.

- Có kế hoạch kiểm tra xây dựng và sửa chữa các trạm bơm, cửa xả của các cống, đập trong toàn xã theo định kỳ.

#### **5. Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang toàn xã và vệ sinh môi trường:**

- **Hệ thống thoát nước thải:** Khu vực các xã đảo chưa có hệ thống thoát nước mưa, thoát nước bản, thoát nước tự nhiên chủ yếu dựa vào địa hình. Các công trình chỉ xử lý cục bộ bằng bể tự hoại, tự thấm hoặc xả ra ruộng, cống nước mưa;

- **Xử lý rác thải:** xã đã xây dựng lò đốt rác mini để đốt các gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường. Còn lượng rác thải sinh hoạt hằng ngày của người dân trong xã thì chưa được xử lý. Cần đầu tư xây dựng lò đốt rác đúng quy chuẩn với quy mô công suất đảm bảo cho nhu cầu hiện tại và dự trữ trong tương lai.

- **Nghĩa trang:** Theo định hướng chung của huyện, xã Nam Du không bố trí nghĩa trang tại các đảo trong xã mà sử dụng chung hạ tầng nghĩa trang tập trung tại xã An Sơn với quy mô 2,7 ha. Do đó khi tính toán nghĩa trang cho xã An Sơn phải bảo đảm đáp ứng nhu cầu cả 2 xã.

- **Cây xanh:** tỉnh đã có kế hoạch trồng 1 tỷ cây xanh trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (trong đó có phân bổ về địa bàn xã Nam Du) dự kiến cây xanh được trồng dọc tuyến đường quanh đảo, đường nội bộ, khu vực công viên, khu trung tâm xã, điểm dân cư, khu hành chính xã (Kế hoạch đã phê duyệt và đang trong quá trình triển khai thực hiện). Ngoài ra, diện tích rừng phòng hộ của xã đảo Nam Du rất lớn xã nên đảm bảo diện tích đất cây xanh theo quy định.

Nguyên nước mặt: Khai thác nước mưa, tổng công suất lắp đặt hồ, bể chứa nước  
nằm theo quy hoạch tại Hòn Ngang và Hòn Mian.

Hiện nay khu vực Hòn Ngang có 3 trạm 1 giếng khoan nước, Hòn Mian có 1 trạm  
2 giếng cấp nước 70 công suất trong bình 40 m<sup>3</sup> nước ngày đêm.

Về lâu dài cần thêm bố địa chất để tăng công suất giếng khoan. Kết nối đường ống từ  
địa điểm về vận chuyển và nước ngọt từ đất liền sang.

Dựa vào mạng lưới quy hoạch giao thông, phân khu chức năng khu quy hoạch và  
vị trí đầu vào của từng công trình xây dựng công trình cho toàn khu quy hoạch. Thiết kế mạng lưới  
cấp nước cho khu xây dựng theo đúng mạng lưới nước ngầm, ngoài việc đảm bảo cấp nước cho khu  
đu ăn. Cấp áp tại từng khu với áp suất 12-15m.

Thiết kế đường ống từ nhà máy 1.000 (m<sup>3</sup>/ngày), 700 (m<sup>3</sup>/ngày) và 300 (m<sup>3</sup>/ngày)  
để cấp cho khu vực sản xuất.

#### 4. Thoát nước mưa:

Phương án thoát, mạng lưới thoát và bố trí xả.

- Các công trình xây dựng cần phải xây dựng hệ thống thoát nước mưa để đảm bảo  
không bị ngập nước. Các khu vực xây dựng có quy hoạch chi tiết thì theo đó áp dụng địa lý.

- Có kế hoạch kiểm tra xây dựng và sửa chữa các trạm bơm, ống xả của các công  
trình trong toàn xã theo định kỳ.

5. Thoát nước thải: Quan trọng là chất thải rắn, ngoài trang toàn xã và vệ sinh môi  
trường:

- Hệ thống thoát nước thải: Khu vực các xã đảo chưa có hệ thống thoát nước mưa,  
thoát nước thải nước tự nhiên chảy ra biển cần xây dựng vào địa điểm. Các công trình chi tiết lý

theo kế hoạch hệ tự nhiên ra biển hoặc xả ra ngoài công nước mưa.

- Xả rác thải: Xã đã xây dựng lò đốt rác thải để đốt các loại rác thải bao vệ sinh  
vật sau sử dụng và chất thải rắn và được thu gom, vận chuyển đến bãi chôn lấp và xử lý môi

trường. Giảm lượng rác thải sinh hoạt hàng ngày của người dân trong xã thì chưa được xử  
lý. Cần đầu tư xây dựng lò đốt rác thải đúng quy chuẩn với quy mô công suất đảm bảo cho  
nhu cầu hiện tại và dự trữ tương lai.

- Nghĩa trang: Theo định hướng chung của huyện, xã Nam Du không bố trí nghĩa  
tràng tại các đảo trong xã mà sử dụng chung hệ thống nghĩa trang tập trung tại xã An Sơn  
với quy mô 2,7 ha. Đó là khi tính toán nghĩa trang cho xã An Sơn phải đảm bảo đáp ứng

như sau có 2 xã.

- Cây xanh: Tình đã có kế hoạch trồng 1 tỷ cây xanh trên địa bàn tỉnh Kiên Giang  
trong đó có phần bố về địa bàn xã Nam Du, dự kiến cây xanh được trồng dọc tuyến  
đường quanh đảo, đường nội bộ, khu vực công viên, khu trung tâm xã, điểm dân cư, khu

hàng chính xã (Kế hoạch đã phân bổ và đang trong quá trình triển khai thực hiện).  
Ngoài ra, diện tích trồng phòng hộ của xã đảo Nam Du rất lớn nên đảm bảo diện tích  
bất cây xanh theo quy định.

## Mục 2. Quản lý theo đặc điểm của từng địa phương, vùng miền

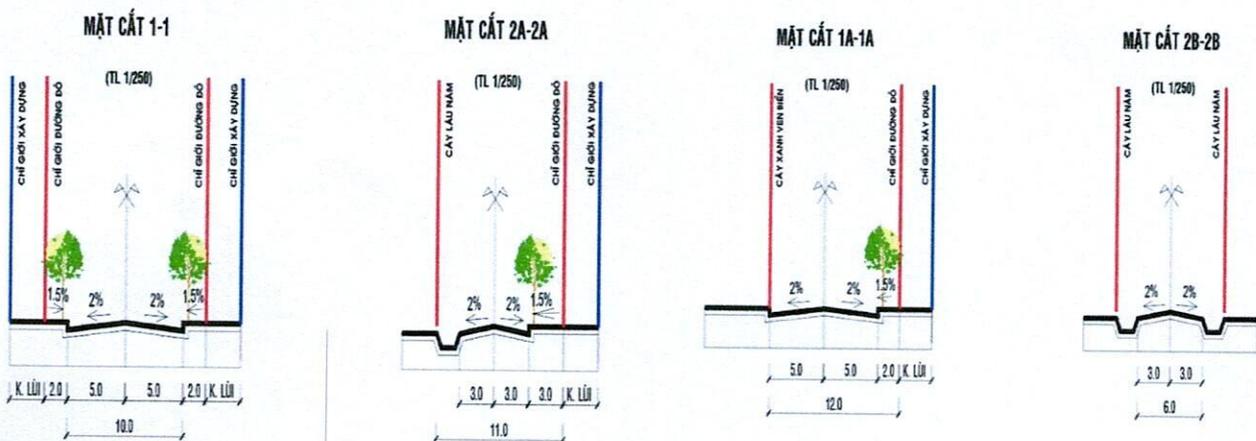
### Điều 10. Nhà ở dân cư nông thôn:

- Về màu sắc, vật liệu công trình:
  - + Màu sắc: Phù hợp và hài hòa với màu sắc các công trình trong khu vực.
  - + Vật liệu: Khuyến khích sử dụng các vật liệu có sẵn của địa phương.
- Hình thức kiến trúc của từng loại nhà ở, công trình công cộng (tương ứng với từng vùng miền):
  - + Về nhà ở: Hình thức đơn giản không cầu kỳ mang tính hiện đại phù hợp với địa phương.
  - + Về công trình công cộng: Kiến trúc phải mang tính hiện đại, đơn giản và được thể hiện phù hợp theo từng thể loại công trình.
- Cảnh quan: Hàng rào, cổng, cây xanh:
  - + Hàng rào, cổng nên tránh xây dựng quá cao và hàng rào đặc che mắt tầm nhìn quan sát và mỹ quan.
  - + Cây xanh trong khuôn viên nên lựa chọn cây trồng phù hợp với công trình và cảnh quan xung quanh.

### Điều 11. Các công trình hạ tầng kỹ thuật:

#### 1. Giao thông:

\*Hòn Ngang bao gồm các đường (N1, N2, N3, N4, N5, N6, N7, N8) với mặt cắt: 1-1; 1A-1A; 2-2; 2A-2A; 2B-2B; 3-3; 4-4; 5-5.



**Mục 2. Quyển lý theo đặc điểm của từng địa phương, vùng miền**

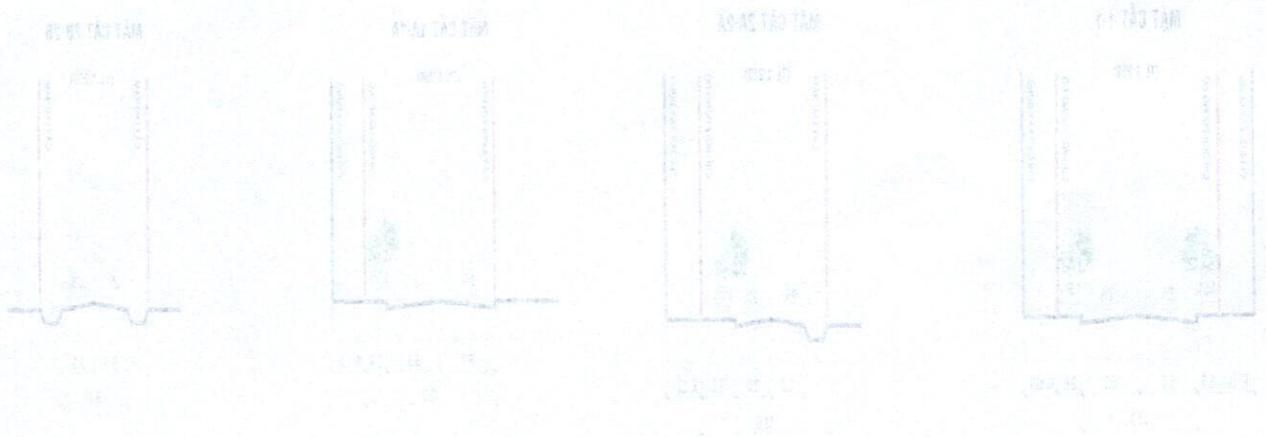
**Điền 10. Nhà ở dân cư nông thôn:**

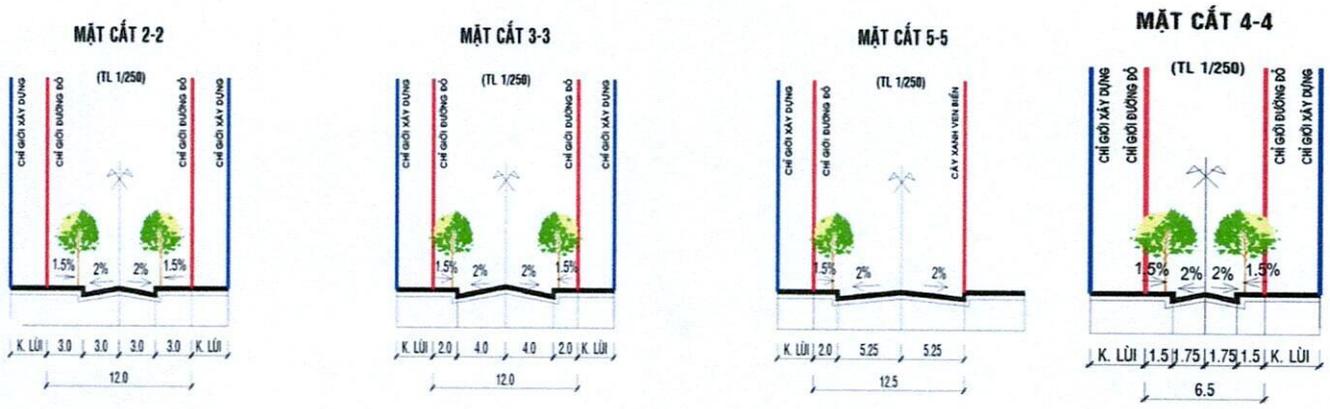
- Về màu sắc, vật liệu công trình:
- + Màu sắc: Phù hợp và hài hòa với màu sắc các công trình trong khu vực.
- + Vật liệu: Khuyến khích sử dụng các vật liệu có sẵn của địa phương.
- Hình thức kiến trúc của từng loại nhà ở, công trình công cộng (tuông ứng với từng vùng miền):
- + Về nhà ở: Hình thức đơn giản không cầu kỳ mang tính hiện đại phù hợp với địa phương.
- + Về công trình công cộng: Kiến trúc phải mang tính hiện đại, đơn giản và chức năng hiện đại phù hợp theo từng thể loại công trình.
- Cảnh quan: Hàng rào, công cộng, cây xanh:
- + Hàng rào, công viên (nếu cần) xây dựng phù hợp và hàng rào đặc cho một tôn giáo đơn giản và tự nhiên.
- + Cây xanh trong khuôn viên nên lựa chọn cây trồng phù hợp với công trình và cảnh quan xung quanh.

**Điền 11. Các công trình hạ tầng kỹ thuật:**

**1. Giao thông:**

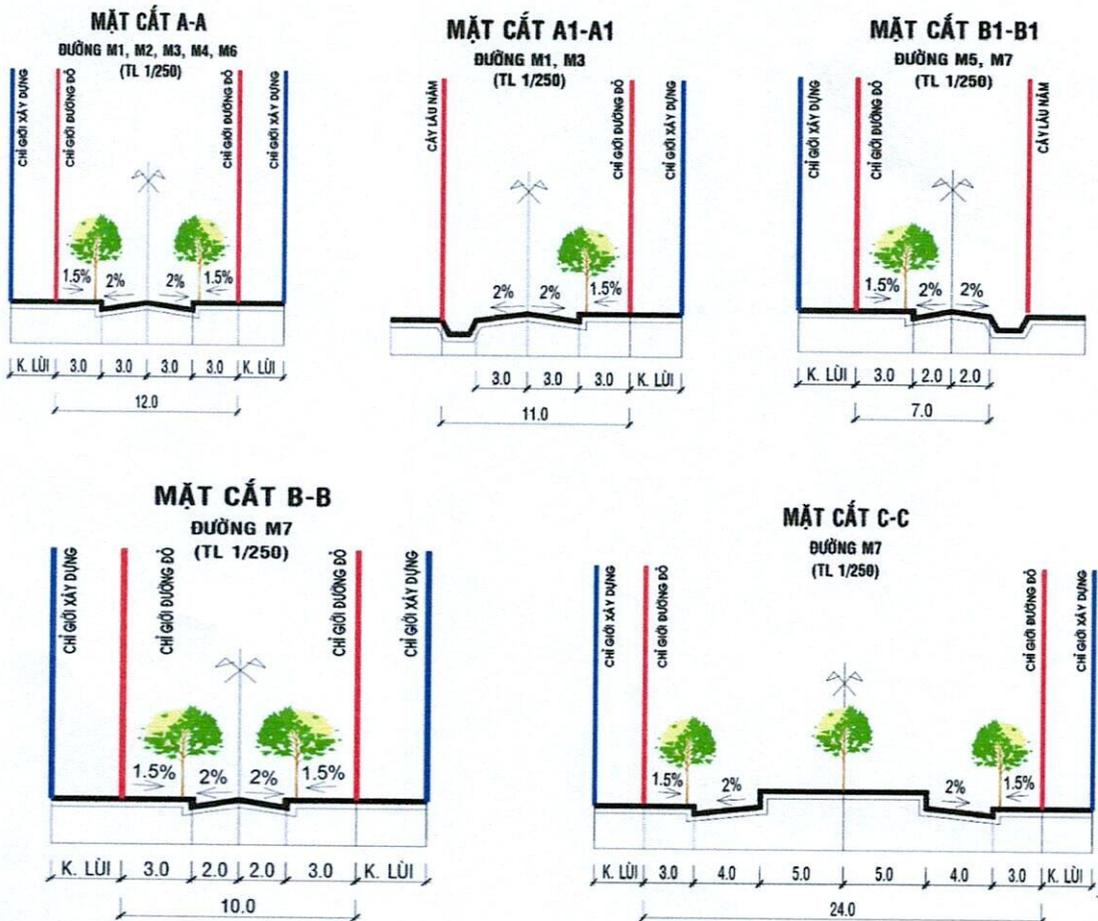
\*Hòn Ngang bao gồm các đường (N1, N2, N3, N4, N5, N6, N7, N8) với một cột 1-1:  
 1A-1A-2-2; 2A-2A; 2B-2B; 3-3; 4-4; 5-5





- Chiều rộng mặt đường: từ 3,5m-10 m; lề đường 0-3m tùy theo vị trí.
- Kết cấu mặt đường: Đường bê tông xi măng. Sạch và không lầy lội, giao thông thuận tiện, đảm bảo đi lại vào mùa mưa.

\*Hòn Mấu: bao gồm các đường (M1, M2, M3, M4, M5, M6, M7) với mặt cắt: A-A; A1-A1; B1-B1; B-B; C-C.



- Chiều rộng mặt đường: 4,0m- 10,0m; lề đường 2-3m tùy theo vị trí.



- Kết cấu mặt đường: Đường bê tông xi măng. Sạch và không lầy lội, giao thông thuận tiện, đảm bảo đi lại vào mùa mưa.

## 2. Quản lý chất thải rắn và vệ sinh môi trường:

- Phải xây dựng nhà xí hợp vệ sinh, không xả phân trực tiếp xuống hồ, ao.

- Chuồng trại chăn nuôi gia súc phải cách nhà ở và đường đi chung ít nhất 5,0m và có cây xanh che chắn. Phân, nước tiểu từ chuồng, trại chăn nuôi phải được thu gom và có giải pháp xử lý phù hợp (chôn lấp hoặc ủ kín).

- Chất thải rắn từ hộ gia đình phải được phân loại, thu gom và xử lý:

- Chất thải hữu cơ: dùng cho chăn nuôi gia súc; xử lý bằng cách chôn lấp cùng với phân gia súc trong đất ruộng, vườn để làm phân bón cho nông nghiệp;

- Chất thải vô cơ: xử lý tập trung (tái chế, chôn lấp, xử lý...).

+ Phương án thu gom vận chuyển: Được thu gom tập trung tại các điểm theo quy định và được vận chuyển bằng xe về bãi rác của thị xã.

+ Về cấp nước: Khu vực bảo vệ của điểm lấy nước, công trình cấp nước cho xã quy định theo bảng sau:

**Bảng: Khu vực bảo vệ của điểm lấy nước, công trình cấp nước.**

Khu vực bảo vệ	Kích thước khu vực bảo vệ cấp I (m)	Kích thước khu vực bảo vệ cấp II (m)
Nguồn nước mặt, từ điểm lấy nước: - Ngược theo chiều dòng chảy - Xuôi theo chiều dòng chảy - Trường hợp không xác định được chiều dòng chảy, hoặc không có dòng chảy.	$\geq 200$ $\geq 100$ $\geq 200$	$\geq 1\ 000$ $\geq 250$ $\geq 1\ 000$
Nguồn nước ngầm: quanh giếng khoan với bán kính	$\geq 25$	-
Hồ chứa, đập nước chuyên dùng để cấp nước sinh hoạt, từ mép hồ: - Bờ hồ bằng phẳng - Bờ hồ dốc	$\geq 100$ $\geq 300$	Toàn lưu vực Toàn lưu vực
Nhà máy nước, trạm cấp nước, từ chân tường công trình xử lý:	$\geq 30$	-
Đường ống cấp nước, từ mép ngoài đường ống: - Kích thước 300 mm đến < 1 000 mm		$\geq 7$



- Kích thước $\geq 1\ 000$ mm	-	$\geq 15$
<p><b>CHÚ THÍCH 1</b> Trong khu vực bảo vệ cấp I nghiêm cấm các hoạt động sau: xây dựng công trình nhà ở; xả nước thải, CTR, chăn nuôi, chăn thả gia súc, gia cầm, nuôi trồng, đánh bắt thủy sản, khai thác khoáng sản; sử dụng hóa chất độc, phân hữu cơ và phân khoáng để bón cây;</p> <p><b>CHÚ THÍCH 2:</b> Trong khu vực bảo vệ cấp II, nước thải, chất thải từ các hoạt động sinh hoạt, dịch vụ và sản xuất phải được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn về môi trường.</p>		

- Về thoát nước thải sinh hoạt theo bảng sau:

**Bảng: Khoảng cách an toàn vệ sinh môi trường tối thiểu.**

TT	Loại công trình	Khoảng cách ATVMT tối thiểu (m) ứng với công suất (m <sup>3</sup> /ngày)			
		< 200 (m <sup>3</sup> / ngày)	200 - 5.000 (m <sup>3</sup> /ngày)	5.000 – 50.000 (m <sup>3</sup> /ngày)	>50.000 (m <sup>3</sup> /ngày)
1	Trạm bơm nước thải	15	20	25	30
2	Trạm làm sạch nước thải:				
a	Làm sạch cơ học, có sân phơi bùn	100	200	300	400
b	Làm sạch sinh học nhân tạo, có sân phơi bùn	100	150	300	400
c	Làm sạch sinh học không có sân phơi bùn, có máy làm khô bùn, có thiết bị xử lý mùi hôi, xây dựng kín	10	15	30	40
d	Khu đất để lọc ngầm nước thải	100	150	300	500
e	Khu đất tưới cây xanh, nông nghiệp	50	200	400	1000
f	Hồ sinh học	50	200		
g	Mương ô xy hóa	50	150		



- Nghĩa trang theo bảng sau:

**Bảng: Khoảng cách an toàn vệ sinh môi trường nghĩa trang.**

Đối tượng cách ly	Khoảng cách tối thiểu (m) với đối tượng cách ly			
	Nghĩa trang hung táng	Nghĩa trang chôn 1 lần	Nghĩa trang cát táng	Công trình chứa lò hoá táng, lưu chứa thi hài trước khi hoá táng
Công trình nhà ở tại đô thị và điểm dân cư nông thôn	1.000	500	100	500
Điểm lấy nước phục vụ nhu cầu sinh hoạt	1.500	1.000		

### **CHƯƠNG III: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Phòng Kinh tế hạ tầng Tài nguyên và Môi trường huyện phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc huyện và các tổ chức có liên quan hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thi hành Quy định này, việc điều chỉnh, bổ sung hoặc thay đổi những nội dung tại quy định này phải được UBND huyện cho phép. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh về Phòng Kinh tế hạ tầng Tài nguyên và Môi trường huyện Kiên Hải để được hướng dẫn, giải quyết theo quy định.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Quốc Tuấn**

Bảng: Khoảng cách an toàn vệ sinh môi trường ngũ gia trong.

Khoảng cách tối thiểu (m) với đối tượng cách ly				
Công trình chức năng trước khi bố trí	Ngũ gia trong cách tầng	Ngũ gia trong cách 1 tầng	Ngũ gia trong cách tầng	Đối tượng cách ly
Công trình chức năng tương đương chức năng	100	500	1.000	Công trình nhà ở tại đô thị và điểm đón cư nông thôn
		1.000	1.500	Điểm tập trung phục vụ nhu cầu sinh hoạt

### CHƯƠNG III: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Phòng Kinh tế và Tổng Tài nguyên và Môi trường huyện phối hợp với các cơ quan chức năng môn thuộc huyện và các tổ chức có liên quan hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thi hành Quy định này, việc điều chỉnh hồ sơ hoặc thay đổi những nội dung tại quy định này phải được UBND huyện cho phép. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc là nội dung ảnh hưởng đến Phòng Kinh tế và Tổng Tài nguyên và Môi trường huyện kiến nghị đề được hướng dẫn, giải đáp theo quy định.

T.M. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Tuấn